

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26/5/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phụng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Bình; Ông Bùi Đăng Ban;
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Cù.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18/9/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hữu T** (tên khác Nguyễn Xuân T), sinh năm 1971, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1971, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu T trình bày: Anh và chị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T ngày 01/01/1995, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất quan điểm làm ăn, chị L có biểu hiện ngoại tình, năm 2016 anh T đã khởi kiện ly hôn với chị L nhưng Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Nay anh xác định vợ chồng không còn chung sống do không còn tình cảm nên tiếp tục xin ly hôn.

Vợ chồng sinh được hai con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 06/11/1995 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 01/01/2009. Hiện cháu T1 đã lập gia đình và sống độc lập, cháu H đang ở cùng mẹ. Anh nhận nuôi con chưa thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh T không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản.

- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn, chị Lê Thị L trình bày:

Chị xác nhận điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như nội dung anh T trình bày là đúng, tuy nhiên nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về kinh tế, anh T có đánh đập và đuổi chị đi, bản thân anh T chơi bời, không chịu làm ăn và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị xác định không có lỗi trong vấn đề mâu thuẫn giữa hai bên, vì vậy chị xin đoàn tụ.

Vợ chồng có hai con chung như anh T đã khai, con lớn đã tự lập, con nhỏ đang ở cùng mẹ, nếu ly hôn, chị nhận nuôi con là Nguyễn Hữu H, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, chị L không yêu cầu xem xét về tài sản.

- Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Hữu H, con chung của anh T, chị L xác nhận: Giữa chị L và anh T đã có mâu thuẫn lớn, anh T đuổi các con ra khỏi nhà, cháu nhận ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn nhau.

- UBND thị trấn T nhận xác nhận phù hợp với lời trình bày của các bên đương sự về thời gian địa điểm đăng ký kết hôn, hiện tại giữa anh T và chị L có mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn cố tình vắng mặt không lý do, áp dụng Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Lê Thị L kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày

01/01/1995, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Các đương sự có tranh chấp về hôn nhân sẽ được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Quá trình chung sống, giữa các bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai bên đều đổ lỗi cho nhau trong việc phá vỡ quan hệ hôn nhân, năm 2016 anh T đã không được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị L cũng không có biện pháp hiệu quả để duy trì cuộc sống chung, thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn một năm, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù chị L có mong muốn xin đoàn tụ, nhưng các lần hòa giải tại Tòa án, chị L đều vắng mặt, không có lý do chính đáng, anh T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét tình trạng vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể duy trì được nữa, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, để các bên tự ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

[3] Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận phù hợp với nhau về vấn đề con chung, nay con lớn là Nguyễn Thị T1 đã lập gia đình riêng, có cuộc sống độc lập, không phụ thuộc bố mẹ; con nhỏ là Nguyễn Hữu H, sinh ngày 01/01/2009 hiện đang ở cùng mẹ, cháu H đang được mẹ chăm sóc và học tập ổn định tại địa phương, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ, vì vậy cần giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét điều kiện của hai bên đương sự là như nhau, đều có khả năng lao động và đều muốn nuôi con chung, vì vậy cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng, từ tháng 5/2020 đến khi con chung thành niên, nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu và quyền lợi của con chung chưa thành niên. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hữu H, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; buộc anh Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với cháu H, mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không nộp hoặc nộp không đầy đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 005872 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Anh Nguyễn Hữu T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Phù Cừ;
- UBND TT T;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Phụng